TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/ HNGĐ – ST
Ngày 30/5/ 2019.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà Lê Thị Xuân.

2. Bà Phạm Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30/5/ 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Dương Thị N** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 1x (nay là tổ x), phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: **Anh Nguyễn Quang T** - sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 2x (nay là tổ 1x), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2019; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Quang T đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2011. Tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xô xát và đã sống ly thân từ giữa năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T. Do điều kiện công tác nên tôi không thể có mặt để tham gia tố tụng tại phiên tòa đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M sinh ngày 3x/1x/201x. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản, công nợ chung : Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T vắng mặt nhưng đã trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị N đã trình bày là đúng. Trong cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng theo tôi những nguyên nhân mâu thuẫn đó không trầm trọng. Vì kinh tế gia đình khó khăn nên tôi đi làm xa để có thể ổn định cuộc sống. Nay chị N làm đơn xin ly hôn tôi không nhất trí vì tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chúng tôi vẫn quan tâm nhau và tôi vẫn gửi tiền về cho chị N để nuôi con. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Về con chung: Tôi và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M – sinh ngày 3x/1x/201x. Nếu phải ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M. Tôi đồng ý để chị N nuôi nhưng tôi không cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ chung : Chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giải quyết về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa chị và anh Nguyễn Quang T trú tại: Tổ 1x, phường Y, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (Tổ 2x cũ). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

Nguyên đơn chị Dương Thị N, bị đơn anh Nguyễn Quang T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2011 tại UBND phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, anh T xác định tình cảm vẫn còn xin được đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh T.

[3]. Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến M – sinh ngày 3x/1x/201x. Chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng, anh T nhất trí để chị N

nuôi dưỡng nhưng không cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu M nên giao cháu M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nghĩa vụ nuôi con chung là của cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu của chị N là có cơ sở và phù hợp. Cần buộc anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N là 2.000.000 đồng/ tháng.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Quang Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Quang T phải chịu án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Dương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quang T.

2. ***Về con chung:*** Giao cháu Nguyễn Tiến M sinh ngày 30/10/2012 cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi cháu M là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 7/2019 và có quyền, nghĩa vụ thăm non, chăm sóc mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị N có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nếu anh T chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự. Tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

3. ***Về án phí:*** Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0002227 ngày 02/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị N đã nộp.

Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. ***Về quyền kháng cáo***: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Quang T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trường hợp Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự Tp Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND phường Yên Ninh;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thế Hòa